

# Tính kế thừa và liên kết trong xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng cho sinh viên Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

Phan Văn Hoàng\*(1), Nguyễn Duy Thục\*\*, Phạm Dĩ Khang\*, Nguyễn Thị Thu Thủy\*\*\*

\*Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai, (1) Tác giả liên hệ

\*\*Đại học Văn Lang; \*\*\*Cao đẳng Y tế Đồng Nai

Received: 19/3/2024; Accepted: 27/3/2024; Published: 5/4/2024

**Abstract:** The inheritance and connection in building skills training program for students is designed to help them develop the skills necessary to succeed in their careers and engage with the community and society. The program includes a variety of activities such as learning, experiences, hands-on projects and talks from experts and successful entrepreneurs. The article mentions inheritance and connection in building skills training programs for students at Dong Nai University of Technology.

**Keywords:** Dong Nai University of Technology, skills training program, inheritance and connection

## 1. Mở đầu

Một vấn đề quan trọng khi đưa ra chương trình đào tạo kỹ năng (CTĐT) các môn kỹ năng (KN) có tính kế thừa (KT) và liên kết (LK) trong quá trình giảng dạy cho người học là cách thức tổ chức và xây dựng chương trình học tập sao cho các KN được giảng dạy phát huy một cách hiệu quả và liên tục.

Chương trình nhấn mạnh vào việc truyền đạt kiến thức và KN từ thế hệ trước đến thế hệ sau, đồng thời phát huy tiềm năng cho sinh viên (SV) tham gia vào các hoạt động học tập, LK với doanh nghiệp để áp dụng những gì SV đạt được vào thực tế. SV cũng có cơ hội được học tập từ những người đứng đầu trong ngành và tạo dựng mối quan hệ trong cộng đồng doanh nghiệp và xã hội.

Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai (DNTU) xây dựng CTĐT các môn học KN cho hai khối: Kinh tế và Kỹ thuật mang tính KT và LK của các môn học nhằm tạo ra một môi trường học tập tích cực, sân chơi đa dạng và động viên SV phát triển kỹ năng cá nhân và chuyên môn, có khả năng áp dụng kiến thức, KN, từ đó tạo ra thế hệ SV tự tin, góp phần vào sự thành công cá nhân, phát triển bền vững của xã hội và đất nước.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Cơ sở lý luận

Nghiên cứu của Alting, S., & Björkman, I. (2015) đã chỉ ra rằng CTĐT KN có tính KT và LK giữa các khóa học giúp cải thiện hiệu suất làm việc của nhân viên và tạo ra sự linh hoạt cao trong công việc.

Tạp chí International Journal of Training and

Development đã công bố nghiên cứu của Stoll, S., & Costanza, D. P. (2017) cho thấy rằng CTĐT KN LK giữa các khóa học là một kỹ thuật hiệu quả để phát triển nhân viên và nâng cao năng suất lao động.

Một nghiên cứu từ tạp chí Journal of Vocational Behavior (2019) của Lappi, T. R., & Rautiainen, M. (2019) đã chứng minh rằng việc tích hợp CTĐT KN có tính KT giữa các khóa học tạo ra môi trường học tập nhất quán và đồng bộ, giúp người học áp dụng kiến thức vào thực tế một cách hiệu quả.

Những nghiên cứu này đều cho thấy rằng CTĐT KN có tính KT và LK giữa các khóa học mang lại nhiều lợi ích cho học viên và doanh nghiệp, giúp nâng cao năng suất và hiệu quả làm việc. Để giải quyết vấn đề này, có thể thực hiện các biện pháp sau:

- Xác định rõ các môn học có tính KT và LK: Trước tiên, cần xác định những môn học có tính KT và LK với nhau, từ đó xây dựng cấu trúc chương trình học phù hợp.

- Thiết kế chương trình học linh hoạt: Chương trình học cần được thiết kế linh hoạt để SV có thể lựa chọn các môn học phù hợp với nhu cầu và mục tiêu cá nhân của mình.

- Áp dụng phương pháp học tập tích hợp: Sử dụng phương pháp học tập tích hợp giữa lý thuyết, vận dụng vào thực hành thông qua các hoạt động, giữa các môn học chuyên ngành và môn học tổng quát nhằm phát triển những KN liên quan.

- Thúc đẩy học tập đồng thời: Khuyến khích SV tham gia các hoạt động ngoại khóa, học ngoại ngữ và thực tập để phát triển KN thực tế và áp dụng kiến

thức vào thực tế.

- Đánh giá và theo dõi tiến độ học tập: Thực hiện đánh giá định kỳ và theo dõi tiến độ học tập của SV nhằm đảm bảo người học đang phát triển các KN cần thiết.

- LK với doanh nghiệp và cộng đồng: Xây dựng mối quan hệ với doanh nghiệp và cộng đồng để đảm bảo rằng chương trình học đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động và xã hội.

Những biện pháp trên sẽ giúp tăng cường tính KT và LK giữa các môn KN trong quá trình đào tạo, từ đó giúp SV phát triển một cách toàn diện và hiệu quả.

## **2.2. Tính KT trong đào tạo các môn KN tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai**

KN nói trước công chúng; KN quản lý cảm xúc; KN giao tiếp và xây dựng mối quan hệ; KN đàm phán – thương lượng hoặc KN an toàn lao động trong công nghiệp là những KN cần thiết mà SV cần phải học và phát triển trong quá trình học tập của mình. Chúng không chỉ giúp người học thành công trong học tập mà còn là yếu tố quyết định đến sự nghiệp và tương lai sau này của họ.

Trong quá trình giảng dạy, việc KT và truyền đạt các môn KN này cho SV là một phần quan trọng để giúp họ phát triển toàn diện và tự tin khi ra trường. Nghiên cứu về tính KT các môn KN trong quá trình giảng dạy cho SV sẽ tập trung vào việc phân tích các phương pháp, kỹ thuật và chiến lược hiệu quả để truyền đạt KN cho SV một cách tốt nhất.

Nghiên cứu này cũng có thể xem xét về cách các GV, nhà giáo dục và trường đại học tổ chức các buổi học, các hoạt động ngoại khóa, các CTĐT để phát triển các môn KN cho SV. Ngoài ra, việc đánh giá hiệu quả của quá trình giảng dạy và học tập cũng là một phần quan trọng của nghiên cứu này để đảm bảo rằng SV có thể thực sự KT và áp dụng những môn KN này vào cuộc sống thực tế.

Kết luận của nghiên cứu này có thể giúp cải thiện quá trình giảng dạy và học tập, tạo ra môi trường học tập tích cực và khuyến khích sự phát triển toàn diện của SV.

## **2.3. Tính LK trong giảng dạy các môn KN**

Trong quá trình đào tạo cho SV, việc kết hợp các môn KN là một yếu tố quan trọng để giúp SV phát triển một cách toàn diện và hiệu quả. Nghiên cứu này sẽ tập trung vào việc xác định và đánh giá mức độ LK giữa các môn KN trong quá trình giảng dạy.

Mục tiêu của nghiên cứu này là:

+ Phân tích các môn KN cần thiết cho SV trong quá trình học tập và phát triển cá nhân.

+ Xác định mức độ LK giữa các môn KN và cách chúng ảnh hưởng đến nhau trong quá trình giảng dạy.

+ Đánh giá hiệu quả của việc kết hợp các môn KN trong quá trình giảng dạy để nâng cao khả năng học tập và phát triển của SV.

- Phương pháp nghiên cứu sẽ sử dụng phỏng vấn, khảo sát và quan sát để thu thập dữ liệu từ các GV và SV. Dữ liệu sẽ được phân tích bằng các phương pháp thống kê để xác định mức độ LK và tương tác giữa các môn KN.

Kết quả của nghiên cứu này sẽ cung cấp thông tin quan trọng về cách thức kết hợp các môn KN trong quá trình giảng dạy để giúp SV phát triển một cách toàn diện và hiệu quả hơn. Đồng thời, nghiên cứu cũng sẽ đưa ra các đề xuất và giải pháp để cải thiện quá trình giảng dạy và học tập trong các cơ sở giáo dục.

## **2.4. Tính KT và LK trong giảng dạy KN cho SV tại DNTU**

### **2.4.1. Đào tạo cho SV khối ngành kinh tế tại DNTU**

Trong CTĐT các môn KN cho SV ngành kinh tế, việc KT và LK giữa các môn học như KN nói trước công chúng, KN quản lý cảm xúc, KN giao tiếp - xây dựng mối quan hệ và KN đàm phán - thương lượng là rất quan trọng. Việc KT giúp SV hiểu rõ về các KN cơ bản và nâng cao, từ đó áp dụng vào các tình huống thực tế trong công việc.

LK giữa các môn học cũng giúp SV hiểu được sự liên quan giữa các KN, từ đó phát triển một cách toàn diện và chuyên sâu hơn. Ví dụ, việc học KN nói trước công chúng có thể giúp SV tự tin khi thuyết trình về các dự án kinh doanh, trong khi KN quản lý cảm xúc giúp họ điều tiết cảm xúc trong các tình huống giao tiếp và làm việc nhóm. KN giao tiếp và KN đàm phán cũng là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng mối quan hệ và đạt được các thỏa thuận trong kinh doanh.

Kết quả trên cho thấy việc KT và LK các môn KN trong CTĐT cho SV ngành kinh tế giúp họ phát triển một cách toàn diện và thích hợp cho môi trường làm việc hiện nay.

### **2.4.2. Đào tạo cho SV khối ngành kỹ thuật tại DNTU:**

Trong CTĐT các môn KN như KN nói trước công chúng, KN quản lý cảm xúc, KN giao tiếp - xây dựng mối quan hệ và KN an toàn lao động trong công nghiệp, SV khối ngành kỹ thuật sẽ được hướng dẫn cách áp dụng và phát triển những KN này trong công việc và cuộc sống hàng ngày.

KT và LK giữa các môn KN trong CTĐT sẽ giúp SV hiểu rõ về cách thức làm việc hiệu quả, quản lý

cảm xúc và tương tác với người khác một cách tự tin và chuyên nghiệp. KN giao tiếp và xây dựng mối quan hệ giúp SV xây dựng mối quan hệ tốt với đồng nghiệp, cấp dưới và cấp trên, từ đó tạo ra sự hợp tác và phối hợp tốt trong công việc.

Việc học KN an toàn lao động trong công nghiệp cũng rất quan trọng để bảo vệ bản thân và người khác trước các nguy hiểm trong môi trường làm việc. KT và LK giữa các môn học sẽ giúp SV thấu hiểu và áp dụng những kiến thức này một cách đồng bộ và hiệu quả.

Kết quả chứng minh tính KT và LK giữa các môn học KN trong CTĐT giúp SV khỏi ngành kỹ thuật phát triển toàn diện về chuyên môn và KN mềm, chuẩn bị tốt cho công việc và cuộc sống sau này.

**2.4.3. Kết quả khảo sát CTĐT KN tại DNTU**

Chúng tôi đã khảo sát ý kiến của 50 chuyên gia, doanh nghiệp và khảo sát cho 1000 SV về hoạt động đào tạo KN cho SV Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai. Khảo sát đã được tiến hành nhằm kiểm tra hiệu quả của các CTĐT và đo lường sự hài lòng của SV, doanh nghiệp đối với chất lượng dịch vụ đào tạo. Kết quả thu được ở biểu đồ 2.1 và biểu đồ 2.2.

CTĐT để phản ánh đúng nhu cầu và mong muốn của SV và nhu cầu của doanh nghiệp.

**3. Kết luận**

Dựa trên kết quả khảo sát, chúng tôi đề xuất những cải thiện cụ thể để nâng cao hiệu quả của hoạt động đào tạo KN cho SV và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học. Từ cơ sở lý thuyết, kết quả nghiên cứu và đánh giá của chuyên gia và SV thông qua CTĐT KN tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai là phù hợp.

Tính KT và LK giữa các môn KN nói trước công chúng, KN quản lý cảm xúc, KN giao tiếp và xây dựng mối quan hệ, KN đàm phán thương lượng hoặc KN an toàn lao động trong công nghiệp tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai được vận dụng trong đào tạo SV khỏi ngành kinh tế và khỏi kỹ thuật giúp SV tự tin và thành công trong cuộc sống.

**Tài liệu tham khảo**

1. Altin, S., & Björkman, I. (2015). *The impact of skill training programmes with a sequential and linked course structure on employee performance and job flexibility*. International Journal of Training and Development.

2. Stoll, S., & Costanza, D. P. (2017). *The effectiveness of skill training programmes with linked courses in developing employees and enhancing labor productivity*. International Journal of Training and Development.

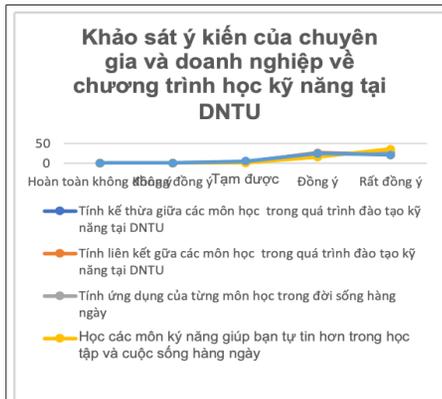
3. Lappi, T. R., & Rautiainen, M. (2019). *The integration of skill training programmes with a sequential*

*structure between courses creating a consistent and cohesive learning environment, supporting effective knowledge transfer*. Journal of Vocational Behavior.

4. Nguyễn Văn A, Nguyễn Thị B, (2021). *Phương pháp và kỹ thuật giảng dạy KN cho SV: Nghiên cứu tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai*.

5. Phan Văn C, Lê Thị D, (2020). *Đào tạo KN mang tính KT và LK cho SV: Ứng dụng tại Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai*.

6. Trần Xuân E, Mai Thị F, (2019). *CTĐT KN cho SV: Kết quả khảo sát và đánh giá từ doanh nghiệp và người học*.



Biểu đồ 2.1. Kết quả khảo sát ý kiến của chuyên gia và doanh nghiệp về CTĐT KN tại DNTU



Biểu đồ 2.2. Kết quả khảo sát ý kiến của SV về CTĐT KN tại DNTU

Kết quả của khảo sát cho thấy, hầu hết SV đều đánh giá cao các CTĐT KN mà SV đã tham gia. SV cho biết rằng CTĐT đã giúp họ phát triển KN cần thiết cho công việc và cuộc sống thông qua các hoạt động thực hành và thực tế.

Đồng thời, SV cũng bày tỏ sự hài lòng với chất lượng của GV và các phương pháp đào tạo được áp dụng trong các chương trình này. Họ nhận thấy rằng việc học KN qua các hoạt động thực hành đã giúp họ nâng cao hiểu biết và KN thực tiễn.

Tuy nhiên, một số SV cũng cho biết rằng cần có sự cải thiện về sự đa dạng và tính ứng dụng của các